

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp
của các cấp, các ngành trong thực hiện quản lý nhà nước về xử lý
vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2018 và thay thế Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “*Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*”.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CPCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; đoàn thể tỉnh;
- Báo VP, Đài PT-TH tỉnh, TT Công báo tỉnh, Cổng Thông tin- Giao tiếp điện tử tỉnh;
- UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, PC1.
(Th-45b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vũ Chí Giang

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành
trong thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc phối hợp, hình thức phối hợp, nội dung phối hợp, trách nhiệm phối hợp của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch.
2. Thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.
3. Phối hợp trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; không được cản trở, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình phối hợp.
4. Thực hiện đúng quy trình giải quyết công việc trong mối quan hệ phối hợp, bảo đảm đúng tiến độ thời gian, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.
5. Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và nhân dân.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Trách nhiệm trong công tác xử phạt vi phạm hành chính

1. Phát hiện hành vi vi phạm hành chính.
2. Lập biên bản vi phạm hành chính.
3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 5. Phối hợp trong việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo thực hiện các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và các văn bản chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền trong xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương;

b) Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành để xác định nội dung đề xuất Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

c) Thường xuyên rà soát, đánh giá tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tư pháp tổng hợp các kiến nghị về những vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, báo cáo đề xuất với UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể; đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của chương trình tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đến mức độ nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân; kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và cán bộ, công chức tham mưu trong công tác xử lý vi phạm hành chính để việc áp dụng các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được đầy đủ, chính xác.

2. Sở Tư pháp tham mưu cho UBND tỉnh nghiên cứu, biên soạn tài liệu hoặc thu thập, tổng hợp các tài liệu đã phát hành phục vụ công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đảm bảo về nội dung, phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Phúc, Báo Vĩnh Phúc, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử Vĩnh Phúc có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; dành thời lượng thích hợp đăng tải, đưa tin kịp thời về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Điều 7. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Hàng năm, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; có trách nhiệm cử người tham gia đoàn kiểm tra liên ngành tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Các sở, ban, ngành của tỉnh phối hợp với các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thanh tra, kiểm tra kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức

Điều 8. Phối hợp trong xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu của tỉnh về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc cập nhật thông tin và thường xuyên kiểm tra về độ chính xác, toàn vẹn các thông tin, dữ liệu; bảo đảm kết nối an toàn, tích hợp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc bảo đảm an toàn Tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được cấp.

c) Đề xuất với UBND tỉnh việc bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực đảm bảo cho việc phối hợp xây dựng, quản lý và duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm kinh phí thực hiện việc cập nhật thông tin, đào tạo sử dụng và duy trì, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định các biện pháp xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi văn bản, quyết định quy định tại Khoản 6, Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính đến Sở Tư pháp để phục vụ việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 9. Phối hợp trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm, để Sở Tư pháp tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

(Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm).

2. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này:

a) Công an tỉnh có trách nhiệm:

- Chỉ đạo việc thu thập tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để hoàn thiện hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố phối hợp với Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Tòa án nhân dân huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan có liên quan trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

- Báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

Báo cáo tình hình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung quy định tại Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.

c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm:

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp nghiên cứu, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đảm bảo đúng quy định pháp luật và chuyển hồ sơ cho Công an cấp huyện, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội theo quy định;

- Chỉ đạo Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với Phòng Tư pháp chủ động kiểm tra, xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Chỉ đạo UBND cấp xã nghiên cứu các quy định pháp luật về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật

Điều 10. Phối hợp trong việc bảo đảm các điều kiện để thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và UBND cấp huyện tham mưu cho UBND tỉnh trong việc kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “*Xây dựng tổ chức, bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương*” và Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ “*Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*”.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

Phối hợp với Sở Tư pháp và UBND cấp huyện trong việc bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Trang bị cơ sở vật chất bảo đảm cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và UBND cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; xây dựng, tiếp nhận và quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh về xử lý vi phạm hành chính.

Chương III PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 11. Phối hợp phát hiện hành vi vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND cấp huyện phải có kế hoạch, các biện pháp phù hợp để kịp thời phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính có trách nhiệm thông báo ngay cho những người có thẩm quyền tại Khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định.

Điều 12. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải:

a) Kịp thời lập biên bản (trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý vi phạm hành chính). Việc lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật, Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.

b) Người lập biên bản vi phạm hành chính phải có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, gồm: Người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức và người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

Trường hợp vụ việc vi phạm vừa có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, vừa có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì người đó vẫn phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tất cả các hành vi vi phạm và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

c) Biên bản vi phạm hành chính phải mô tả cụ thể, rõ ràng, chính xác hành vi vi phạm hành chính; viện dẫn đúng điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng để xử phạt vi phạm hành chính; ghi đầy đủ tên cơ quan của người lập biên bản, chức vụ (nếu có) của người lập biên bản, có chữ ký của người lập biên bản, chữ ký của người làm chứng (nếu có), chữ ký của người vi phạm hành chính (xác định rõ là cá nhân, tổ chức, hộ gia đình). Trường hợp là tổ chức, trong biên bản ghi rõ ai là đại diện; trường hợp là hộ gia đình, trong biên bản ghi rõ ai là chủ hộ; trường hợp là các cơ sở kinh doanh, thương mại, dịch vụ hoặc cơ sở khác, trong biên bản ghi rõ ai là đại diện cơ sở (trường hợp ủy quyền ký biên bản vi phạm hành chính, trong giấy ủy quyền ghi rõ là ủy quyền ký biên bản vi phạm hành chính).

d) Biên bản vi phạm hành chính lập xong được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản. Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó. Việc giao biên bản vi phạm hành chính cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải được thể hiện trong hồ sơ vụ việc.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính để xử lý người vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phối hợp ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về đề xuất, kiến nghị về nội dung, hình thức xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham mưu cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức đề xuất xử phạt cung cấp hồ sơ của tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính.

3. Người có thẩm quyền quyết định xử phạt khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính đã lập đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính (trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

5. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải trong thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Trường hợp đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt, tùy từng trường hợp cụ thể, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật, quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành.

6. Khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, sử dụng mẫu theo quy định của pháp luật và ghi đầy đủ các nội dung: Tên cơ quan của người ra quyết định; số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; viện dẫn đầy đủ điều, khoản, điểm của văn bản được áp dụng để xử phạt; ngày, tháng, năm quyết định có hiệu lực thi hành....

7. Việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính cần được thực hiện phù hợp về đối tượng vi phạm và tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, cụ thể:

a) Xác định rõ hành vi vi phạm hành chính của cá nhân hay tổ chức.

b) Xác định rõ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm hành chính.

8. Khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải quyết định việc xử lý tang vật vi phạm hành chính (nếu có) và phải áp dụng hình phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp pháp luật quy định.

9. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính sau khi ban hành được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được thể hiện trong hồ sơ vụ việc.

Điều 14. Tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Sau khi gửi quyết định xử phạt cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt chỉ đạo các bộ phận liên quan tích cực đôn đốc hoặc có các biện pháp thích hợp để tổ chức thi hành quyết định. Việc đôn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được thể hiện trong hồ sơ vụ việc.

2. Sau khi đã tuyên truyền, vận động, giải thích mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vẫn không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền liên quan tổ chức cưỡng chế buộc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

3. Các cơ quan liên quan khi nhận được đề nghị phối hợp thực hiện cưỡng chế phải có trách nhiệm phối hợp tham gia, không được gây trở ngại, khó khăn cho cơ quan đề nghị phối hợp.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan để thực hiện tốt các nội dung của công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và Quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Theo dõi, đôn đốc, đánh giá thực hiện Quy định này; là cơ quan đầu mối tiếp nhận báo cáo của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; giúp UBND tỉnh thực hiện công tác báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 17 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chương II Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và kế hoạch của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vũ Chí Giang